

LÝ LỊCH KHOA HỌC

1. Thông tin cá nhân:

Họ và tên: Lê Minh Tú

Ngày, tháng, năm sinh: 02/06/1982

Giới tính: Nam

Điện thoại cơ quan:

Điện thoại nhà riêng:

Điện thoại di động:

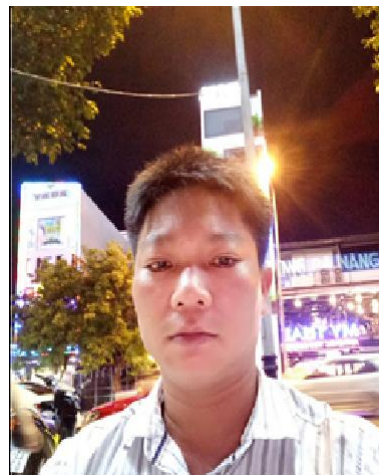
Email: leminhtu@qnu.edu.vn

Chức vụ: Phó Bí thư chi bộ

Đơn vị công tác hiện tại: Khoa Giáo dục Thể chất

Học vị (ThS, TS, TSKH), năm nhận học vị: Thạc sĩ, 2011

Chức danh khoa học (GS, PGS), năm, nơi công nhận:



2. Trình độ học vấn:

2.1. Quá trình được đào tạo (ĐH, ThS, TS, TSKH):

Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Cơ sở đào tạo
2005	Đại học	Giáo dục thể chất	ĐH TDTT TW 1 Bắc Ninh
2011	Thạc sĩ	Giáo dục học	ĐH TDTT TW1 Bắc Ninh
2021	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Trường Đại học Quy Nhơn

2.2. Các khóa được đào tạo ngắn hạn (nếu có):

Thời gian	Nội dung đào tạo	Cơ sở đào tạo
Tháng 6 / 2005 - tháng 7 / 2005	Chứng chỉ: Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục- Đào tạo	ĐH SP Đà Nẵng
Từ 23/12/2005 - 08/01/2006	Chứng chỉ : Giáo dục học đại học	Trường cán bộ quản lý Giáo dục và Đào tạo
Từ ngày 26/11/2007 - 29/11/ 2007	Giấy chứng nhận: Bồi dưỡng quản trị viên thể thao Olympic quốc tế (IOC)	Ủy ban Olympic Việt Nam

Khóa học tháng 7 năm 2016	Chứng chỉ: nghiệp vụ sư phạm đại học	ĐH SP - ĐH Đà Nẵng
Từ 27/1/2018 - 16/4/ 2018	Chứng nhận: Bồi dưỡng theo chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính (hạng II)	Đại học Quy Nhơn
Từ 9/2017- 10/2017	Kiến thức QP-AN đối tượng 4	Trường Đại học Quy Nhơn
Từ 7/2019 - 7/2019	Ứng dụng CNTT cơ bản	Trường Đại học Quy Nhơn

2.3. Trình độ ngoại ngữ:

Ngoại ngữ	Trình độ (xuất sắc/giỏi/khá/trung bình)			
	Nghe	Nói	Đọc	Viết
Ngôn ngữ Anh	TB	TB	TB	TB

2.4. Trình độ tin học: - Tin học ứng dụng cơ bản

3. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
Tháng 9/ 2005 cho đến nay	Khoa GDTC, trường ĐHQN	Giảng dạy và nghiên cứu khoa học

4. Nghiên cứu khoa học:

4.1. Lĩnh vực nghiên cứu: Giáo dục thể chất và TDTT

4.2. Các công trình khoa học đã công bố:

4.2.1. Sách phục vụ đào tạo khác:

STT	Năm xuất bản	Tên sách	Mức độ tham gia (là chủ biên, đồng tác giả,)	Nơi xuất bản	Ghi mã số chuẩn quốc tế ISBN (nếu có)
-----	--------------	----------	---	--------------	---------------------------------------

4.2.1. Giáo trình

STT	Tên giáo trình	Tên học phần	Mức độ tham gia (là chủ biên, đồng tác giả,)	Số tín chỉ	Thời gian lưu hành giáo trình
1	Bóng rổ và Phương pháp giảng dạy	Bóng rổ và Phương pháp giảng dạy		04	21/12/2021

4.2.2. Các bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học, hội nghị, hội thảo trong nước và nước ngoài

STT	Tên tác giả	Tên bài báo	Tên tạp chí (Hội nghị), nhà xuất bản, năm, tập, trang đầu – trang cuối	Mã số chuẩn quốc tế ISSN	Ghi chú
1	Lê Minh Tú, Hồ Ngọc Cường, Nguyễn ngọc Sơn	Sự biến đổi về hình thái và thể lực của nam sinh viên năm thứ nhất Khoa GDTC-QP, ĐHQN sau một năm học tập	Tạp chí khoa học/4/14/2020	1859-0357	
2	Lê Minh Tú, Thái Bình Thuận	Một số bài tập chuyên môn nhằm nâng cao kỹ thuật dẫn bóng một tay cơ bản trong môn Bóng ném cho nam sinh viên khoa GDTC-QP, trường Đại học Quy Nhơn.	Tạp chí khoa học/2/12/2018	1859-0357	
3	Lê Minh Tú	Ứng dụng bài tập phát triển sức mạnh tốc độ trong môn Bóng ném cho nam sinh viên chuyên ngành GDTC, trường ĐHQN	Tạp chí Khoa học/6/12/2018	1859-0357	
4	Lê Minh Tú	Ứng dụng các bài tập chuyên môn nhằm nâng cao sức mạnh tốc độ của động tác bật nhảy ném bóng cao tay trong môn Bóng ném cho nam sinh viên chuyên ngành GDTC, khoa GDTC&QP, trường ĐH Quy Nhơn	Tạp chí Khoa học/2/10/2016	1859-0357	
5	Lê Minh Tú, Hoàng Thị Thủy, Hồ Ngọc Cường, Bùi Văn Kiên	Đánh giá thực trạng trình độ thể lực của nữ sinh viên khối không chuyên Trường Đại học Quy Nhơn trước khi học môn Bóng chuyền trong học phần Giáo dục thể chất 1	Tạp chí khoa học ĐHQN, số2, Tập 17, tr 53-60, năm 2023	ISSB N	
6	Lê Minh Tú, Nguyễn Ngọc Châu	Nghiên cứu ứng dụng các bài tập phát triển thể lực chung trong môn Bóng chuyền cho học sinh nữ khối 11 tại Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Quý Đôn, tỉnh Gia Lai.	Tạp chí Giáo dục và xã hội Kỳ 2, tr84-89, 8/2025	ISSN 1859 - 3917	

4.2.2. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học các cấp (gọi chung là đề tài):

STT	Thời gian thực hiện	Tên đề tài	Cấp quản lý đề tài	Trách nhiệm tham gia trong đề tài	Kết quả nghiệm thu
1	2015	Biện pháp nâng cao giờ học GDTC cho sinh viên không chuyên Trường ĐH Quy Nhơn	Trường	Thành viên	Đã hoàn thành
2	2016	Biện pháp quản lý hoạt động tự học đối với sinh viên khoa GDTC & QP , trường ĐHQN	Trường	Thành viên	Đã hoàn thành
3	2017 - /2018	Nghiên cứu lựa chọn các bài tập phát triển sức mạnh tốc độ trong môn Bóng ném cho nam sinh viên chuyên ngành GDTC, trường ĐHQN.	Trường	Chủ nhiệm đề tài	Đã hoàn thành
4	2018 -2020	Đánh giá thực trạng dạy và học môn võ cổ truyền Bình Định trong trường học phổ thông trên địa bàn tỉnh và đề xuất nội dung, phương pháp giảng dạy trong giờ học chính khóa cho học sinh phổ thông.	Tỉnh	Thành viên	Đã hoàn thành
5	2019 - 2020	Nghiên cứu sự biến đổi về hình thái, thể lực của nam sinh viên năm thứ nhất Khoa GDTC-QP Trường Đại học Quy Nhơn	Trường	Thành viên	Đã hoàn thành
6	2022 - 2023	Đánh giá hiệu quả ứng dụng các bài tập phát triển thể lực cho nữ sinh viên năm thứ nhất khối không chuyên học môn bóng chuyền trong học phần Giáo dục thể chất 1 tại Trường Đại học Quy Nhơn	Trường	Chủ nhiệm	Đã hoàn thành
7	2022 -2024	Nghiên cứu võ cổ truyền Bình Định trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay	Nhà nước	Thành viên	Đã hoàn thành

4.3. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước:

học: Không

4.4. Bằng phát minh, sáng chế: Không

4.5. Hướng dẫn Cao học, NCS: Không

5. Các hướng chủ yếu và thế mạnh nghiên cứu trên lĩnh vực khoa học giáo dục

5.1. Hướng nghiên cứu chủ yếu

Sư phạm: Đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ số và xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực người học.

Y sinh & Dinh dưỡng: Nghiên cứu sự biến đổi chỉ số hình thái, sinh lý, quản lý béo phì và chấn thương học đường.

Tâm lý & Xã hội: Động lực tập luyện, kỹ năng mềm và tác động của vận động đến sức khỏe tâm thần (giảm stress, lo âu).

Quản lý TDDT: Chính sách phát triển thể thao học đường và xã hội hóa nguồn lực thiết chế thể thao.

5.2. Thế mạnh

Thực nghiệm chuyên sâu: Khả năng thiết kế bài tập và trực tiếp đo lường kết quả trên người học (lợi thế hơn các ngành lý thuyết thuần túy).

Tính liên ngành: Kết hợp được kiến thức giáo dục học với y sinh và tâm lý học để tạo ra các nghiên cứu có tính ứng dụng cao.

Năng lực chuẩn hóa: Đủ trình độ để xây dựng các mô hình tập luyện hoặc quy trình huấn luyện có tính khoa học và pháp lý. Tôi xác nhận những thông tin được ghi ở trên là hoàn toàn chính xác, nếu có gì sai trái tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Tôi xác nhận những thông tin được ghi ở trên là hoàn toàn chính xác, nếu có gì sai trái tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Gia Lai, ngày tháng 3 năm 2026

(Ký, họ và tên)

Ths. Lê Minh Tú

